TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 5 – 2020
V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân.

2. Ông Lý Văn Sua.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Đa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc chia tài sản chung sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Lệ H; Địa chỉ: lô 34, đường H2, khu Licogi, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Huy C; Địa chỉ: lô 34, đường H2, khu Licogi, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Thanh L, chị Trần Hồng T; Địa chỉ: số 214H, đường Lý Thường, khóm A, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Địa chỉ trụ sở: Địa chỉ: số 35 Hàng V, phường Lý Thái T, quận Hoàn K, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Anh Nguyễn Minh G, sinh năm 1980 là cán bộ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đất Mũi; Địa chỉ: khóm 3, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Văn bản ủy quyền số: 111/QĐ-BIDV.ĐM ngày 11/02/2020, xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Mai Lệ H (nguyên đơn) trình bày:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 235/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Lệ H và anh Trần Huy C nhưng về tài sản chung là căn nhà và phần đất thuộc thửa số 827, tờ bản đồ số 2 với diện tích 90m^2 tọa lạc tại lô số 34, đường H2, khu Licogi, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/10/2016 đứng tên của anh, chị thì anh, chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị cùng với anh C thỏa thuận đem tài sản trên thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đất Mũi để vay số tiền 350.000.000đ nhằm mục đích sửa chữa nhà ở, việc thế chấp có công chứng chứng thực nhưng từ khi sửa nhà xong giữa chị với anh C xảy ra mâu thuẫn, không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung nên chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản trên và chị tự định giá giá trị nhà, đất theo giá thị trường là 800.000.000đ mà không đặt ra yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá hoặc trưng cầu cơ quan chuyên môn thẩm định giá. Đồng thời, chị yêu cầu được nhận nhà, đất và hoàn lại cho anh C ½ giá trị tài sản chung với số tiền là 400.000.000đ. Ngoài ra, chị còn yêu cầu anh C cùng có trách nhiệm trả khoản nợ vay Ngân hàng với số tiền 350.000.000đ cùng lãi phát sinh và trả khoản nợ vay của chị Trần Hồng T, anh Phạm Thanh L với số tiền 70.000.000đ, mỗi người trả một ½ số tiền nợ trên. Tại phiên tòa, chị H cho rằng hiện tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng nên để thuận tiện trong việc phân chia tài sản, thực hiện nghĩa vụ trả nợ chị nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ vay của Ngân hàng, khoản nợ vay của chị T, anh L và đề nghị Tòa án đối trừ tổng số tiền nợ trên vào giá trị tài sản chung mà chị cùng anh C đã thống nhất giá trị là 800.000.000đ, chị nhận tài sản và sẽ hoàn lại giá trị tài sản còn lại cho anh C, cụ thể sau khi đối trừ các khoản nợ trên thì giá trị tài sản còn lại là 380.000.000đ, chị sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh C số tiền là 190.000.000đ (một trăm chín chục triệu đồng).

Tại bản tự khai và biên bản ghi ý kiến cùng ngày 04/02/2020, anh Trần Huy C (bị đơn) trình bày:

Anh và chị Mai Lệ H đã ly hôn, nhưng anh chị có tài sản chung là căn nhà và phần đất thuộc thửa số 827, tờ bản đồ số 2 với diện tích 90m^2 tọa lạc tại lô số 34, đường H2, khu Licogi, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/10/2016 đứng tên anh và chị H, hiện nhà và đất này do chị H cùng với con chung của anh, chị đang ở. Nay chị H khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản trên và chị H tự định giá giá trị nhà, đất là 800.000.000đ, anh cũng đồng ý với giá mà chị H đã định, đồng ý chia đôi tài sản trên nhưng

anh nhận giá trị với số tiền 400.000.000đ và giao nhà, nhất cho chị H quản lý, sử dụng. Vì vậy, anh không đặt ra yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá hoặc trưng cầu cơ quan chuyên môn thẩm định giá. Đối với khoản nợ chung gồm: nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đất Mũi số tiền 350.000.000đ; nợ anh L, chị T số tiền 70.000.000đ. Anh đồng ý cùng với chị H mỗi người có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ trên cho anh L, chị Tvà Ngân hàng cùng lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đồng thời, do anh bận công việc làm ăn ở xa, việc đi lại gặp khó khăn nên anh có đơn yêu cầu vắng mặt trong phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 02/3/2020, anh Phạm Thanh L và chị Trần Hồng T trình bày: Khoảng năm 2016, anh chị có cho anh C, chị H mượn số tiền 70.000.000đ để xây nhà, không có tính lãi, khi nào có tiền thì trả lại. Nay giữa anh C và chị H xảy ra tranh chấp, anh chị không đặt ra yêu cầu gì về số tiền nợ này, trường hợp có yêu cầu thì anh, chị sẽ yêu cầu ở vụ kiện khác. Đồng thời, do bận công việc làm ăn nên anh, chị yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 17/3/2020, người đại diện theo ủy quyền của hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đất Mũi trình bày: Ngày 26/11/2019, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đất Mũi có ký hợp đồng tín dụng cho anh C, chị H vay số tiền 350.000.000đ. Khi vay, anh C và chị H có thế chấp tài sản chung là căn nhà và phần đất thuộc thửa số 827, tờ bản đồ số 2 với diện tích 90m^2 tọa lạc tại lô số 34, đường H2, khu Licogi, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/10/2016 đứng tên anh, chị. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh C và chị H chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên việc chị H, anh C yêu cầu chia tài sản chung hiện đang thế chấp tại Ngân hàng và tự định giá giá trị tài sản là 800.000.000đ thì Ngân hàng không có ý kiến gì về việc phân chia tài sản chung cùng việc tự định giá giá trị tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chổ hoặc thẩm định giá giá trị tài sản trên. Hiện anh C và chị H vẫn còn nợ Ngân hàng nhưng Ngân hàng không yêu cầu anh C, chị H trả nợ trong vụ án này. Trường hợp sau này, anh C và chị H không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Đồng thời, do bận công việc nên người đại diện theo ủy quyền của hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đất Mũi yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt trong vụ án trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Trần Huy C và anh Phạm Thanh L, chị Trần Hồng T và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng) đã có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Đối với việc xem xét, thẩm định tại chổ và định giá nhà, đất tranh chấp, các đương sự không yêu cầu và cùng xác định nhà, đất có giá trị theo thị trường là 800.000.000đ. Tuy tài sản hiện đang thế chấp tại Ngân hàng, nhưng Ngân hàng không có ý kiến gì đối với việc nguyên và bị đơn định giá giá trị tài sản, cũng không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là nhà, đất hiện các đương sự yêu cầu phân chia. Xét thấy, việc tự định giá và thỏa thuận giá trị tài sản nêu trên của các đương sự không nhằm tẩu tán tài sản hay trốn tránh nghĩa vụ chịu án phí, thỏa thuận này không trái quy định của pháp luật, đây là ý chí tự nguyện và quyền tự định đoạt của đương sự, nên chấp nhận.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn, cụ thể là chia căn nhà và phần đất thuộc thửa số 827, tờ bản đồ số 2 với diện tích 90m^2 tọa lạc tại lô số 34, đường H2, khu Licogi, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/10/2016 đứng tên anh Trần Huy C, chị Mai Lệ H.

[3] Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy nhà và đất nêu trên tuy đang được thế chấp để bảo đảm khoản nợ vay tại Ngân hàng, nhưng tài sản này được xác định là tài sản chung của anh C, chị H tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nên việc chị H, anh C thống nhất phân chia tài sản chung trên là có căn cứ. Quá trình giải quyết, anh C đồng ý giao tài sản cho chị H quản lý, sử dụng và nhận ½ giá trị tài sản mà anh chị đã tự định giá tương ứng với số tiền chị H phải giao lại cho anh là 400.000.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống và sau khi ly hôn giữa anh, chị có vay của anh L cùng chị T số tiền 70.000.000đ (vay không lãi), vay của Ngân hàng số tiền 350.000.000đ nhằm mục đích sửa chữa nhà ở, hiện các khoản nợ này anh chị chưa thanh toán xong cho các chủ nợ, các chủ nợ cũng không đặt ra yêu cầu kiện đòi các khoản nợ trên. Dù vậy, các khoản nợ này được xác định là nợ chung của anh C, chị H và để bảo đảm quyền lợi cho các chủ nợ, cần phải đối trừ giá trị tài sản chung mà anh chị đã tự định giá vào các khoản nợ trên, giá trị tài sản còn lại sau khi đối trừ nghĩa vụ thì chia đôi theo quy định, cụ thể: giá trị nhà và đất là 800.000.000đ, tổng các khoản nợ mà anh chị có nghĩa vụ trả là 420.000.000đ được đối trừ thì giá trị tài sản chung còn lại là 380.000.000đ (ba trăm tám chục triệu đồng) – số tiền này được chia đôi, do chị H nhận nhà và đất nên chị H có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh C số tiền là 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng).

[4] Về nghĩa vụ thanh toán nợ, tuy anh C đồng ý cùng với chị H có trách nhiệm trả các khoản nợ trên, mỗi người trả ½ số tiền nợ cho các chủ nợ nhưng tại phiên tòa,

chị H nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên cùng khoản lãi phát sinh (đối với Ngân hàng). Mặc dù, đã được giải thích nhưng chị H cho rằng do nhu cầu công việc, anh C phải đi làm ăn xa và anh, chị đã ly hôn nên việc yêu cầu anh C thực hiện trách nhiệm trả nợ sau khi đã phân chia tài sản xong sẽ gặp khó khăn bởi nếu anh C không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và Ngân hàng có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị, còn nếu tạm giao số tiền 420.000.000đ từ việc đối trừ giá trị tài sản chung cho chị quản lý để thực hiện nghĩa vụ đối với các chủ nợ khi có yêu cầu sẽ gây trở ngại cho công việc làm ăn của chị. Xét thấy lời trình bày về việc nhận trách nhiệm trả nợ của chị H là có căn cứ, đảm bảo được việc xử lý tài sản bảo đảm nên xác định khoản nợ của anh L, chị T và khoản nợ của Ngân hàng cùng lãi phát sinh, chị H là người có nghĩa vụ trả toàn bộ, anh C không phải trả các khoản nợ này. Do các chủ nợ không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nhưng trường hợp sau này, chị H không thực hiện nghĩa vụ thì anh L, chị T và Ngân hàng có quyền khởi kiện cá nhân chị H trả các khoản nợ này ở một vụ kiện dân sự khác.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung sau khi ly hôn, chị H và anh C phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Lệ H về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với anh Trần Huy C.

Giao căn nhà và phần đất thuộc thửa số 827, tờ bản đồ số 2 với diện tích 90m^2 tọa lạc tại lô số 34, đường H2, khu Licogi, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/10/2016 đứng tên của anh C, chị H cho chị H toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

Chị H có trách nhiệm thanh toán lại cho anh C số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án, chị H không tự nguyện thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về nghĩa vụ thanh toán nợ, chị Mai Lệ H là người có trách nhiệm trả nợ cho anh Phạm Thanh L, chị Trần Hồng T và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cùng lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Do anh Phạm Thanh L, chị Trần Hồng T và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án nên tách các khoản nợ này ra không xem xét trong cùng vụ án, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ kiện dân sự khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung sau khi ly hôn:

Chị Mai Lệ H phải chịu số tiền án phí là 9.500.000đ. Ngày 16/01/2020, chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 4.750.000đ theo biên lai số 0001313 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước. Chị H phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 4.750.000đ (bốn triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng – chưa nộp).

Anh Trần Huy C phải chịu số tiền án phí là 9.500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng – chưa nộp).

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C, chị T, anh L và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự cĩ quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.